

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Vân.

2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2016/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Tường V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 67 đường L, khu vực V, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Văn C, sinh năm 1956 - Luật sư của Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2016 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Hồ Thị Tường V trình bày:

Năm 2009 chị và anh Trần Ngọc N quen nhau, sau thời gian tìm hiểu anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 04/5/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 (một) con chung tên Trần Nam L, sinh ngày 10/12/2012. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên không hạnh phúc, chị đã về nhà cha mẹ sống từ năm 2013 nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Mặc dù anh chị đã dành thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, từ khi ly thân không ai quan tâm ai. Vì thương con và cũng muốn dành thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng vẫn không hòa hợp. Suốt thời gian ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N. Chị yêu cầu nuôi dưỡng Nam Long đến trưởng thành, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có số tiền 100.000.000 đồng hiện do chị V đang quản lý. Trường hợp thỏa thuận chị V được quyền nuôi con thì chị đồng ý chia đôi số tiền 100.000.000 đồng cho anh N.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Tại Bản tự khai đề ngày 19/12/2016 và quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Ngọc N trình bày: Anh và chị Hồ Thị Tường V do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên dần mất hạnh phúc, chị V bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nên anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nam L, sinh ngày 10/12/2012. Anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có số tiền 100.000.000 đồng do chị V đang quản lý. Anh yêu cầu chia đôi số tiền này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

* Nguyên đơn thừa nhận hiện tại chị còn đang giữ 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Sacombank.

Chị V và anh N thỏa thuận trường hợp Hội đồng xét xử giao con cho ai thì người đó được quyền quản lý số tiền này đến khi con đủ 18 tuổi thì sẽ giao lại cho con.

* Luật sư Lê Văn C trình bày quan điểm:

- Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự đã tự nguyện ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về con chung: Chị V yêu cầu nuôi 01 con chung tên Trần Nam L. Vì chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu từ nhỏ, hơn nữa chị V là giáo viên có nguồn thu thập ổn định và đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con nên yêu cầu này là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản: Có 100.000.000 đồng hiện do chị V đang quản lý. Chị V đồng ý chia đôi số tiền 100.000.000 đồng cho anh N với điều kiện chị V được quyền nuôi con.

Do trước đây khi còn chung sống, Nhà nước có thu hồi đất và bồi hoàn cho vợ chồng chị 100.000.000 đồng, chị V và anh N có thỏa thuận gửi Ngân hàng để lấy tiền lãi chi sinh hoạt nuôi con. Từ khi sinh cháu Nam Long, chị đã chi các khoản để nuôi con và cho con học hành, cụ thể như sau:

+ Tiền học phí: $800.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng}$ (Mỗi năm học 9 tháng, thời gian tính từ năm học 2014 đến tháng 4 năm 2017) = 19.200.000 đồng;

+ Tiền ăn, sinh hoạt, thời gian còn lại: $48 \text{ tháng} - 24 \text{ tháng} = 24 \text{ tháng}$; $24 \text{ tháng} \times 1.000.000 \text{ đồng/tháng} = 24.000.000 \text{ đồng}$.

Cộng hai khoản trên: $19.200.000 \text{ đồng} + 24.000.000 \text{ đồng} = 43.200.000 \text{ đồng}$.

Ngoài khoản tiền trên, trong thời gian chung sống anh N và chị V có vay Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng để mua sắm tạp hóa, văn phòng phẩm bán tại gia đình, chị V đã trả góp cho Ngân hàng được 12.000.000 đồng, phần còn lại anh N đã trả cho Ngân hàng. Toàn bộ việc mua bán và nguồn vốn anh N hiện đang chiếm giữ toàn bộ. Chị yêu cầu anh N trả lại cho chị số tiền 12.000.000 đồng mà chị đã trừ lương để trả thay cho anh N.

Tổng số tiền chị V yêu cầu khấu trừ là: $43.200.000 \text{ đồng} + 12.000.000 \text{ đồng} = 55.200.000 \text{ đồng}$.

Vì vậy, chị V yêu cầu được khấu trừ các khoản chi thực tế do chị đã chi số tiền là 55.200.000 đồng đối với số tiền 100.000.000 đồng mà anh N yêu cầu chia đôi.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Hồ Thị Tường V và anh Trần Ngọc N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 04/5/2009 nên xác định đây là hôn nhân

hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, chị V anh N phát sinh mâu thuẫn, chị V có đơn khởi kiện; theo đó, anh N cũng có yêu cầu về tài sản nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm yền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị V và anh N chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2009, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị V yêu cầu được ly hôn với anh N; theo đó, anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Sau khi tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành, hơn nữa xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết, Tòa án yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ. Chị V cung cấp Bảng thanh toán tiền lương tháng 12 năm 2016 và Bảng thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi tháng 12 năm 2016. Anh N không cung cấp gì để chứng minh cho việc kinh tế ổn định để nuôi con.

Xét về điều kiện chị V là giáo viên có thu nhập ổn định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Nam L một cách tốt nhất, cho nên chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở.

Hơn nữa, cháu Long mới 05 tuổi xem như chập chững bước vào môi trường mới nên rất cần sự dịu dàng, dạy dỗ từ mẹ; do đó, việc giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh N thực hiện quyền này.

Do chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất có số tiền 100.000.000 đồng hiện do chị V đứng tên trên sổ gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Sacombank.

Tại phiên Tòa, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau sẽ giao số tiền này cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nam L quản lý cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi thì sẽ giao lại. Do đó, số tiền này tiếp tục giao cho chị V quản lý.

[6] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có và không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí chia tài sản chung: Chị V phải chịu phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 55; 59; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Tường V.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Tường V và anh Trần Ngọc N.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nam L (nam), sinh ngày 10/12/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh N, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Tiếp tục giao số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho chị Hồ Thị Tường V quản lý đến khi cháu Trần Nam L đủ 18 tuổi sẽ giao lại cho cháu Long.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí sơ thẩm:

Chị Hồ Thị Tường V phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu số 009945 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (công nhận chị V đã nộp xong).

Chị Hồ Thị Tường V phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí chia tài sản. Anh Trần Ngọc N được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 001145 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND Phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thạnh

Phạm Thị Bích Vân

Phương Văn Chính